TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2024/DS-PT
Ngày 20-12-2024
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Hồng Vân

2. Bà Phạm Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 686/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: D đường L, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bà H:* Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 29-10-2024) - Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 và ông Lâm Hoàng Â, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh - Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bà M, ông Â:* Anh Dương Đức K, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 30-5-2024) - Có mặt.

* *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày***

- Về nợ hụi: Bà M, ông Â có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng ngày 15-02-2023 gồm 20 hụi viên, hụi mãn vào ngày 15-9-2024, bà M, ông Â tham gia 03 phần, đã hốt vào ngày 15-02-2023 được số tiền 88.800.000 đồng. Bà M, ông Â đóng hụi chết đến tháng 8-2023 thì ngưng không đóng nữa. Bà đã góp thay hụi cho bà M, ông Â từ tháng 9-2023 đến hiện nay là 13 tháng với số tiền 78.000.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng ngày 10-6-2023 gồm 15 hụi viên, hụi mãn vào ngày 10-8-2024, bà M, ông Â tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 10-6-2023 được số tiền 58.200.000 đồng. Bà M, ông Â đóng hụi chết đến tháng 9-2023 thì ngưng không đóng nữa. Bà đã góp thay hụi cho bà M, ông Â từ tháng 10-2023 đến hiện nay là 11 tháng với số tiền 55.000.000 đồng.

Tổng cộng ở 02 dây hụi, ông bà còn nợ bà 133.000.000 đồng hụi chết.

- Về nợ vay: Ngày 22-5-2023, bà M, ông Â có vay của bà 200.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của ông bà, khi vay thỏa thuận miệng chỉ 02 - 03 ngày sau sẽ trả lại, có thỏa thuận lãi. Hai bên có lập giấy tay xác nhận nợ do bà M ghi và ký tên xác nhận nợ. Sau đó bà M có trả cho bà được 100.000.000 đồng và có phụ trả lãi nhưng bà không nhớ số tiền trả lãi bao nhiêu.

Ngày 25-6-2023 Âm lịch, bà M vay thêm 30.000.000 đồng để chăn nuôi heo, hứa khi bán heo sẽ trả, có thỏa thuận lãi 3%/tháng. Giấy nợ do bà M ghi và ký tên xác nhận nợ. Bà M, ông Â chưa trả cho bà cả gốc và lãi.

Tổng cộng, ông Â bà M còn nợ bà tiền vay là 130.000.000 đồng, nợ hụi là 133.000.000 đồng, tổng cộng là 263.000.000 đồng. Tuy nhiên cho đến nay, bà

M đã bán heo, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà M, ông Â cố ý né tránh không thanh toán.

Trong đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà M, ông Â thanh toán số tiền hụi là 96.000.000 đồng, tiền vay là 130.000.000 đồng, tổng cộng là 226.000.000 đồng.

Ngày 17-7-2024, bà bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M, ông Â thanh toán thêm số tiền hụi là 37.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, bà yêu cầu bà M, ông Â có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay là 130.000.000 đồng, tiền hụi là 133.000.000 đồng, tổng cộng là 263.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do ông Â và bà M là vợ chồng, số tiền vay nhằm mục đích nuôi heo, trả nợ ngân hàng là phục vụ cho chi tiêu trong gia đình. Bà M đã tham gia hụi do bà làm chủ hụi từ năm 2021 đến nay việc bà M tham gia hụi ông Â phải biết. Ông Â bị mù nên không đi làm, thu nhập chính do bà M tạo ra. Do đó, ông Â phải có nghĩa vụ cùng bà M thanh toán các khoản nợ này.

**** Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â là anh Dương Đức K trình bày***

Bà M có vay tiền của bà H để giải quyết công việc cá nhân, cụ thể: Ngày 22-5-2023, bà M vay của bà H 200.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng; Ngày 25-6-2023 (Âm lịch), bà M vay của bà H 30.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất 4%/tháng, có lập giấy nợ do bà H giữ, vay không thời hạn. Bà M có trả lãi đầy đủ cho bà H nhưng không có sổ sách, chứng cứ xác nhận đóng lãi. Từ tháng 4-2024 đến nay, bà M khó khăn chưa thu xếp trả lãi được nên bà H khởi kiện.

Ngoài ra, bà M có tham gia hụi do bà H làm thảo hụi các dây hụi đúng như bà H trình bày. Tuy nhiên, đối với dây hụi 2.000.000 đồng ngày 15-02-2023, bà M còn nợ hụi chết từ tháng 4-2024 đến nay, tính đến ngày mãn hụi còn nợ bà H 36.000.000 đồng hụi chết; đối với dây hụi 5.000.000 đồng ngày 10-6-2023, bà M còn nợ hụi chết từ tháng 4-2024 đến nay, tính đến ngày mãn hụi còn nợ bà H 25.000.000 đồng hụi chết.

Như vậy, bà M còn nợ bà H tiền vay là 130.000.000 đồng, tiền hụi là 61.000.000 đồng, tổng cộng là 191.000.000 đồng.

Ông Â không vay tiền hay tham gia hụi của bà H, không biết bà M có vay

tiền hay tham gia hụi của bà H hay không và không liên quan việc này. Ông Â và bà M sống chung nhà nhưng ông Â có khoản thu nhập riêng từ nguồn nhà nước hỗ trợ cho ông là người khuyết tật 1.800.000 đồng/tháng và được người thân ở nước ngoài gửi tiền về cho ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà M xác định còn nợ bà H tiền vay là 130.000.000 đồng, tiền hụi là 61.000.000 đồng, tổng cộng là 191.000.000 đồng, đây là nợ riêng của bà M, không liên quan ông Â. Do bà M đã đóng lãi khá nhiều nên bà H tính toán lại cho bà M số tiền lãi đã đóng do hiện tại hoàn cảnh bà M khó khăn.

**** Bản án sơ thẩm dân sự số 231/2024/DSST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H đối với bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 263.000.000 (hai trăm sáu mươi ba triệu) đồng, trong đó, tiền vay là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng và tiền hụi là 133.000.000 (một trăm ba mươi ba triệu) đồng, ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng H không yêu cầu tính lãi.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyết định phong tỏa tài sản, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

- Yêu cầu kháng cáo:

Ngày 15-10-2024, bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay là 130.000.000đ và nợ hụi 61.000.000đ, tổng cộng 191.000.000đ và không buộc ông Â cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà M, do ông Â không tham gia góp hụi và vay tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà M ông Â là anh Dương Đức K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà M ông Â, yêu cầu được sửa bản án sơ thẩm của Tòa án CT.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: + Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà

Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â, giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â hợp lệ theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà M ông Â yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT, thấy rằng: Bà M thừa nhận có vay của bà H số tiền 130.000.000đ, có tham gia chơi hụi và hốt hụi như bà H trình bày, tuy nhiên bà H xác định bà M sau khi hốt hụi có đóng hụi chết đến tháng 9/2023 thì ngưng, ngược lại anh K xác định bà M đóng hụi chết đến tháng 4/2024 mới ngưng đóng hụi, tuy nhiên, bà H không thừa nhận việc này, anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập ổn định của bà M để hàng tháng đóng hụi đầy đủ cho bà H, ngày 06/5/2024 bà H khởi kiện bà M, ông Â tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi tại Tòa án nhân dân huyện CT, theo lời trình bày của anh K bà M đóng hụi đến tháng 4/2024, thời điểm này bà M chưa vi phạm nghĩa vụ đóng hụi thì không có lý do gì bà H khởi kiện bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà M về việc đã đóng hụi chết cho bà H đến tháng 4/2004.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà M ông Â về việc không buộc ông Â có nghĩa vụ cùng bà M trả nợ vay và nợ hụi cho bà H do ông Â không ký vay nợ cũng không tham gia góp hụi, tuy nhiên do ông Â là người khiếm thị đã 20 năm, nguồn thu nhập của gia đình do bà M tạo là chính, anh K xác định nguồn thu nhập của gia đình bà M ông Â là từ việc chăn nuôi heo, và hàng tháng ông Â được người thân bên Mỹ gửi về cho 100 USD để chi phí sinh hoạt nhưng anh K không cung cấp được căn cứ chứng minh. Xét thấy, gia đình ông Â bà M còn có 2 người con, người con nhỏ hiện còn đang học Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con… đều do bà M xoay sở, do đó bà M thừa nhận nợ vay, nợ hụi đối với bà H thì ông Â cũng phải có trách nhiệm cùng bà M trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận theo đơn khởi kiện thì bà M đã đóng hụi chết đến tháng 9/2023 là được 03 kỳ hụi chết của phần hụi 5.000.000đ/

tháng, nhưng do sổ hụi bà chỉ đánh dấu đóng được 2 lần nên bà đồng ý giảm 5.000.000đ/ số tiền nợ hụi 133.000.000đ, bà M còn phải trả nợ hụi 128.000.000đ, nên ghi nhận.

Vì vậy, có căn cứ xác định bà M ông Â nợ bà H số tiền vay 130.000.000đ và nợ hụi 128.000.000đ, tổng cộng 258.000.000đ và ông Â bà M cùng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền trên.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M ông Â, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M ông Â, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Yêu cầu kháng cáo của bà M ông Â không được Tòa án chấp nhận, nhưng sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà M ông Â không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 231/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H đối với bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 258.000.000 (hai trăm năm mươi tám triệu) đồng,

trong đó, tiền vay là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng và tiền hụi là 128.000.000 (một trăm hai mươi tám triệu) đồng, ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với diện tích đất 755,9 m^2 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37 tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh do ông Lâm Hoàng Â đứng tên sử dụng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hoàng Â chịu 12.900.000 (mười hai triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà M đã nộp tại biên lai thu số 0009959 ngày 15/10/2024 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Â đã nộp tại biên lai thu số 0009961 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, bà M ông Â còn phải nộp 12.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.650.000 (năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009231 ngày 14-5-2024 và số tiền 925.000 (chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009555 ngày 17-7-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Bà H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.275.000đ

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TTN;
- TAND H. CT;
- Chi cục THADS H.CT;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy